

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 07/01/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức Q, sinh năm 1978 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị C (T) Anh (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Mỹ A và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp Bảo lãnh; có mặt.

2. Lê Văn B, sinh năm 1972 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do (chăn nuôi); trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Đỗ Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990;

2. Anh Nguyễn Quý T1, sinh năm 1998;

3. Anh Lê Huy K, sinh năm 1975;

4. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1986;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3/2024 Lê Văn B thuê chị Bùi Thị H1 - sinh năm 1986, trú tại số A đường T, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội (chủ cơ sở ấp trứng D), ấp nở 16.000 quả trứng vịt để bán vịt giống cho người dân tại huyện L, tỉnh Đồng Nai (*không nhớ họ, tên, tuổi địa chỉ cụ thể*).

Khoảng 16 giờ ngày 08/4/2024, B gọi điện thoại nhờ Trần Đức Q, Kiểm dịch V - Phó trưởng phòng kiểm dịch động vật của Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh H, cấp 01 bộ hồ sơ kiểm dịch vận chuyển động vật đối với 16.000 con vịt giống được vận chuyển bằng xe ô tô tải biển số 29H-835.24, từ Hà Nam đến Đồng Nai, xong việc B trả cho Q 200.000 đồng. Theo quy định tại thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn thì cán bộ phải đến nơi chủ hàng khai báo để trực tiếp kiểm tra lâm sàng và lấy mẫu (nếu cần), nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhưng do tư lợi cá nhân nên Trần Đức Q vẫn đồng ý cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo đề nghị của B.

Khoảng 07 giờ ngày 09/4/2024, B đến Cơ sở ấp nở D để kiểm tra số lượng 16.000 quả trứng vịt nhưng chỉ nở được 10.600 con vịt. Sau đó, B thuê anh Bùi Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam lái xe ô tô biển số 22C-032.15 vận chuyển 10.600 con vịt giống từ cơ sở ấp T đến Thái Bình giao cho Nguyễn Quý T1, sinh năm 1998 trú tại Bản M, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La lái xe ô tô tải biển số 29H-835.24 để T1 vận chuyển 10.600 con vịt giống vào Đồng Nai. Khoảng 11 giờ ngày 09/4/2024 tại cửa hàng X thuộc xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương, anh T đang vận chuyển số vịt giống sang ô tô của anh T1 thì bị Đội quản lý thị trường số E, Cục quản lý thị trường tỉnh H phát hiện kiểm tra. Anh Tú gọi điện thông báo B mang giấy tờ liên quan đến số vịt con đang vận chuyển đến xuất trình cho cơ quan chức năng.

B gọi điện thoại bảo Q chụp ảnh bộ hồ sơ kiểm dịch động vật gửi qua ứng dụng Zalo cho B rồi nhờ người đến lấy bản chính sau, Q đồng ý. Trước đó khoảng 10 giờ 30 phút ngày 09/4/2024 tại phòng làm việc của Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh H, Q lấy bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch, tự viết các thông tin mà B đã cung cấp vào 01 đơn đăng ký kiểm dịch động vật chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số 01119/ĐK-KĐĐV-UQ ghi ngày 08/4/2024 (đăng ký kiểm dịch); 01 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số 01119/CN- KĐĐV-UQ ghi ngày 09/4/2024 (chứng nhận kiểm dịch); 01 biên bản niêm phong phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật số 01119/BB-NP ghi ngày 09/4/2024 (biên bản niêm phong) vào mẫu đã in sẵn trong bộ giấy tờ trên 02 liên với số lượng 16.000 con vịt giống 01 ngày tuổi và ký, ghi họ tên của mình vào phần Kiểm dịch viên động vật, phần chủ hàng bỏ trống. Q xé 01 liên để gửi cho B, liên còn lại lưu tại chi cục.

B đi đến cửa hàng X xuất trình ảnh bộ hồ sơ kiểm dịch động vật nhận được từ Q nhưng không được cán bộ của Đội quản lý thị trường số E chấp nhận;

B gọi điện nhờ anh Lê Huy K, sinh năm 1975 trú tại thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam đến gặp Q lấy bộ hồ sơ kiểm dịch động vật đem đến tỉnh Hải Dương cho B. Khoảng 13 giờ ngày 09/4/2024, anh K cầm bộ hồ sơ kiểm dịch động vật đến Hải Dương đưa cho B xuất trình với Cục quản lý thị trường tỉnh H gồm: 01 bản gốc giấy chứng nhận kiểm dịch; 01 bản gốc biên bản niêm phong và 01 bản gốc đăng ký kiểm dịch. Kiểm tra hàng hóa vận chuyển trên xe và đối với giấy tờ Bắc xuất trình không phù hợp về số lượng nên cơ quan chức năng đã tạm giữ toàn bộ giấy tờ do B cung cấp.

Kết luận giám định số 100 ngày 31/5/2024 của Phòng K2, Công an tỉnh H, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y T.HÀ NAM” trên các mẫu cần giám định là hình dấu được đóng trực tiếp, so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.
- Chữ viết trên các mẫu cần giám định với chữ viết của Trần Đức Q trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.
- Chữ ký đứng tên Trần Đức Q dưới mục “*Kiểm dịch viên động vật*” trên các mẫu cần giám định với chữ ký của Trần Đức Q trên các mẫu so sánh là do dùng một người ký ra.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKSHD-P1 ngày 21/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Đức Q tội Giả mạo trong công tác, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự và Lê Văn B tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 điều 359, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức Q. Xử phạt Q 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Đức Q hành nghề kiểm dịch viên và đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan, tổ chức về chăn nuôi và thú y trong thời hạn từ 01 - 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn B. Xử phạt B từ 12-15 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ 10-15% thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo khai nhận hành vi như nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/4/2024, Trần Đức Q là Kiểm dịch V - Phó trưởng phòng kiểm dịch động vật của Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh H đã làm, cấp 01 bộ hồ sơ giả về kiểm dịch động vật cho Lê Văn B với chi phí là 200.000 đồng. Lê Văn B sử dụng bộ hồ sơ giả do Q cung cấp để vận chuyển 10.600 con vịt (*01 ngày tuổi*) từ P, thành phố Hà Nội. Hồi 13 giờ ngày 09/4/2024 khi đến xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương thì bị Đội quản lý thị trường số E, Cục quản lý thị trường tỉnh H kiểm tra phát hiện, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H giải quyết.

Hành vi của bị cáo Q đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quy trình kiểm dịch để cấp giấy chứng nhận, niêm phong động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Kiểm dịch viên của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh H, không thực hiện việc kiểm dịch theo quy định nhưng lại làm giả 01 hồ sơ kiểm dịch đối với 10.600 con vịt. Hành vi của B sử dụng bộ giấy tờ giả trên nhằm hợp thức hóa cho số vịt và xuất trình cho lực lượng chức năng khi bị kiểm tra đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu. Do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Q về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự và B về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q được Giám đốc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh H tặng nhiều Giấy khen, có mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, vợ được tặng thưởng nhiều giấy khen và bị cáo hiện đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Thế K1 (cậu ruột bị cáo); bị cáo chưa nhận được khoản tiền 200.000đ mà bị cáo B thỏa thuận chi cho Q nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Về hình phạt chính: Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội giản đơn. Bị cáo B phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và với động cơ vụ lợi nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với B; bị cáo Q có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với Q cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Q bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B đã được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với B.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Những vấn đề khác: Đối với ông Phạm Anh T2 - Giám đốc Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh H không biết Q lập, cấp bộ hồ sơ giả về kiểm dịch động vật cho Lê Văn B; các anh Nguyễn Quý T1, Bùi Văn T, Lê Huy K không biết B, Q phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không xem xét xử lý là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 điều 359, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức Q

Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn B

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức Q phạm tội “Giả mạo trong công tác”, bị cáo Lê Văn B phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

3. Về hình phạt chính:

3.1. Xử phạt bị cáo Trần Đức Q 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3.2. Xử phạt Lê Văn B 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Đức Q hành nghề kiểm dịch viên và đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan, tổ chức về chăn nuôi và thú y trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đức Q, Lê Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy